

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14-01-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Phú**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Kim Chi**.

2. Ông **Võ Hồng Vinh**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phan Thanh Sang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Phạm Thanh An** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm 1998 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Phước T**, sinh năm 1997 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Chị D và anh T bắt đầu chung sống từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Tân theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 cấp ngày 25/02/2019. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm, chăm sóc vợ con nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2024 đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh Thư, sinh ngày 18/01/2020, hiện đang sống chung với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thư, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Thư mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu theo tháng vùng IV cho đến khi cháu Thư đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị D không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn anh Nguyễn Phước T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị D.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D. Về con chung: Giao cháu Thư cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi cháu Thư mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu theo tháng vùng IV cho đến khi cháu Thư đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị D yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh T là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Lợi An, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị D có đơn xin vắng mặt. Anh T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị D, anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Bình Tân cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 25/02/2019 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị D trình bày trong quá trình chung sống, giữa chị D và anh T xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được nên chị D yêu cầu được ly hôn. Sau

khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho anh T Thông báo về việc thụ lý vụ án trong đó có nêu rõ yêu cầu được ly hôn của chị D cùng các tài liệu, chứng cứ của chị D giao nộp, đồng thời triệu tập anh T để trình bày ý kiến và tham gia phiên hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh T đều vắng mặt. Điều đó cho thấy anh T không phản đối yêu cầu của chị D, không có thiện chí và nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, giữa chị D và anh T không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

- Về nuôi con chung: Chị D và anh T có 01 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Ngọc Minh Thư, sinh ngày 18/01/2020. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thư. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ...”*. Do quá trình giải quyết vụ án anh T vắng mặt, không có sự thỏa thuận với chị D về người trực tiếp nuôi con chung. Theo kết quả xác minh của Tòa án thì cháu Thư đang sống chung với chị D. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu Thư nên Hội đồng xét xử giao cháu Thư cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu sau này anh T có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật nhằm tạo điều kiện về vật chất để cháu Thư được chăm sóc tốt hơn. Hội đồng xét xử quyết định anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thư hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu theo tháng vùng IV (thời điểm giải quyết tương đương 1.725.000 đồng/tháng), thời gian thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Thư đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị D, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12- 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12- 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ D. Chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Phước T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh Thư, sinh ngày 18/01/2020 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Phước T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Minh Thư hàng tháng, mức cấp dưỡng tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu theo tháng vùng IV (thời điểm giải quyết tương đương 1.725.000 đồng/tháng), thời gian thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Thư đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Nguyễn Phước T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009775 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị D đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Phước T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Phước T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thanh Phú